TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 12/2020/HNGĐ-PT	
Ngày: 06 - 5 - 2020	
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Như Y, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Hoàng E, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1953

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Trần Hoàng E, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn T: Chị Trần Thị P, sinh năm 1985, địa chỉ: đường H, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người kháng cáo: Anh Trần Hoàng E – Bị đơn; ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị Như Y trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2014 chị Y và anh Hoàng E tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên ly thân từ ngày 04/07/2019 âm lịch. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân duy trì cũng không hạnh phúc nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng E.

Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Trần Như Th, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015 (nữ). Khi ly thân thì cháu Th sống với chị Y, đến ngày 28/6/2019 thì anh Hoàng E đến dẫn bé đi chơi đến nay chưa trả cho chị Y. Khi ly hôn chị Y yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Về tài sản chung: Ngày cưới vợ chồng cha mẹ chồng cho tổng cộng 18 chỉ vàng 24k và 08 chỉ vàng 18k. Hiện nay 18 chỉ vàng 24k do cha mẹ chồng quản lý, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương ấp 4; chị Y quản lý 08 chỉ vàng 18k. Nay chị Y yêu cầu chia đôi số vàng trên cho chị Y và anh Hoàng E.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hoàng E trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2014, anh Hoàng E và chị Y sau thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên diễn ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Hoàng E đồng ý ly hôn với chị Y.

Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Trần Như Th, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015 (nữ). Khi ly thân thì cháu Th sống với chị Y, đến ngày 28/6/2019 thì anh Hoàng E đến dẫn bé đi chơi cho đến nay. Khi ly hôn, anh Hoàng E yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Y nuôi con thì anh Hoàng E không đồng ý cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Gồm 18 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Hiện nay toàn bộ số vàng này do chị Y quản lý. Khi ly hôn Hoàng E yêu cầu chia đôi số vàng trên.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hthống nhất trình bày:

Về số vàng chị Y trình bày là không đúng. Trong ngày lễ xuống mối thì ông bà có cho chị Y 01 chỉ vàng 24k, lễ ăn trầu uống rượu cho 18 chỉ vàng 24k gồm 01 sợi dây chuyền và mặt là 10 chỉ vàng 24k, tấm lắc là 08 chỉ vàng 24k, 10 chiếc vòng xi men gồm 08 chỉ vàng 18k. Sau đó bà H có đi đổi lại số vàng 18k từ 10 chiếc sang 14 chiếc trị giá 10 chỉ vàng 18k cho chị Y.Toàn bộ số vàng này ông T và bà Hcho vợ chồng Hoàng E rồi nên không còn quản lý. Ngoài ra ông T còn cho Ý đôi bông tai bằng vàng 18k, đối với đôi bông tai này ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nquyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 59, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 24, điểm a và b khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Như Y và anh Trần Hoàng E.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Trương Thị Như Y. Giao cháu Trần Như Th (nữ), sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015 cho chị Trương Thị Như Y trực tiếp nuôi.

Trần Hoàng E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hoàng E có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con là Trần Như Th mỗi tháng là 745.000 đồng/tháng, cấp vào đầu tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị Trương Thị Như Y. Chị Như Y và anh Trần Hoàng E mỗi người được nhận 09 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 18k.

Buộc chị Y giao 04 chỉ vàng 18k cho anh Hoàng E. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H giao cho chị Y 09 chỉ vàng 24k, anh Hoàng E 09 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/02/2020 anh Trần Hoàng E, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

- Anh Trần Hoàng E kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm cho anh Hoàng E được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Như Th, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu chị Y chia đôi tài sản chung là 18 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k mà chị Y đang quản lý.

- Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ông bà không cất giữ 18 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Đồng ý với toàn bộ án sơ thẩm; yêu cầu được nuôi con vì cha mẹ có cho đất nuôi trồng thủy sản để nuôi cua, tuy bước đầu khó khăn nhưng dần khắc phục được; về vàng 18k sau khi cưới do đeo bị chật nên cha mẹ chồng có đổi lại bộ vòng ximen khác, trọng lượng là 08 chỉ vàng 18k như bộ vòng ban đầu; 18 chỉ vàng 24k cha mẹ chồng giữ.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu trực tiếp nuôi con vì chị Y không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và cũng không có nơi ở ổn định; lúc ly thân chị Y đưa con đi nhưng con bị bệnh do ảnh hưởng dây thần kinh số 7 nên có lúc méo miệng, nhưng chị Y không đưa đi trị bệnh cho nên anh Hoàng E đưa con đi Sài Gòn khám bệnh và bác sỹ chỉ định 03 tháng tái khám 01 lần, từ ngày anh nuôi con chị Y không một lần gặp thăm con. Vàng 10 chỉ 18k và 18 chỉ 24k hiện chị Y đang giữ.

Chị P trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông T, bà H; việc chị Y đưa ra người làm chứng về số vàng là không khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoàng E, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 21/01/2020 quyết định: Về hôn nhân, chị Trương Thị Như Y và anh Trần Hoàng E thuận tình

ly hôn; về con chung giao cho chị Y trực tiếp nuôi cháu Trần Như Th; tài sản chung có 08 chỉ vàng 18k chị Như Y đang quản lý và 18 chỉ vàng 24k ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H (cha mẹ anh Hoàng E) đang quản lý. Chị Như Y và anh Hoàng E mỗi người được nhận ½ số vàng là 04 chỉ vàng 18k, 09 chỉ vàng 24k.

Anh Trần Hoàng E kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con; về tài sản chung có 10 chỉ vàng 18k và 18 chỉ vàng 24k hiện chị Như Y đang quản lý, chị Như Y giao cho anh Hoàng E ½ số vàng.

Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H kháng cáo với nội dung là ông bà không giữ 18 chỉ vàng 24k, cho nên không đồng ý về việc giao cho anh Hoàng E, chị Như Y mỗi người 09 chỉ vàng 24k.

[2] Xét kháng cáo của anh Trần Hoàng E yêu cầu sửa bản án sơ thẩm

[2.1] Xét kháng cáo với nội dung yêu cầu trực tiếp nuôi con chung: anh Hoàng E và chị Như Y có một người con chung tên Trần Như Th, sinh ngày 14/10/2015. Cả hai đương sự đều có nguyện vọng nuôi con, với yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật. Do hai đương sự chỉ có một người con cho nên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi thì phải xem xét đến điều kiện về mọi mặt làm sao tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu, đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần. Xét về thực tế thì anh Hoàng E có điều kiện kinh tế, có đất nuôi trồng thủy sản gần 03ha, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có nhà ở tại thành phố C, bên cạnh đó có sự giúp đỡ, hỗ trợ của bà nội trong việc chăm sóc cháu; hiện nay cháu bị bệnh 03 tháng phải tái khám tại Thành phố Hồ Chí Minh một lần. Trong khi đó chị Y không có nghề nghiệp ổn định, chưa có nơi ở ổn định và thu nhập cũng chưa ổn định, tại phiên tòa phúc thẩm chị xác nhận bước đầu kinh tế khó khăn, dần sẽ khắc phục; cháu Th ở với cha gần 01 năm có cuộc sống ổn định, nếu thay đổi môi trường sẽ ảnh hưởng đến cháu, hiện cháu đang học ở trường Mầm non Nắng Hồng tại phường 7, thành phố C nên chị Y có điều kiện thăm con và chị được thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, sau này chị vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Với những căn cứ này thì việc anh Hoàng E tiếp tục nuôi con sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo về yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh Trần Hoàng E.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Hoàng E với nội dung là chị Như Y đang quản lý 10 chỉ vàng 18k, yêu cầu chia đôi mỗi người hưởng ½, chị Như Y giao cho anh 05 chỉ vàng 18k

Đối với vàng 18k, chị Như Y khai có 08 chỉ vàng 18k là 10 chiếc vòng ximen; phía anh Hoàng E và bà H xác định 10 chỉ vàng 18k. Theo như bà H trình bày ngày cưới bà cho chị Như Y bộ vòng ximen 08 chỉ, sau đó bà đổi bộ vòng khác là 10 chỉ. Để chứng minh có số vàng 10 chỉ 18k ngày 26/11/2019 ông T nộp tại Tòa án huyện "giấy mua vàng" có nội dung: *tên khách hàng Anh Sáu T; tên*

món hàng 14 vòng, cân nặng 9 chỉ 8 phân vàng 18k, thành tiền 25.784.000 đồng. Nội dung của "giấy mua vàng" là ông T mua 14 chiếc vòng ximen trọng lượng 9,8 chỉ vàng 18k chứ không phải bà H, không thể hiện có sự kiện đổi vàng và cũng không thể hiện 10 chỉ vàng 18k. Do anh Hoàng E, bà H không có căn cứ pháp lý chứng minh chị Như Y đang giữ 10 chỉ vàng 18k. Vì vậy, chấp nhận lời trình bày của chị Như Y đang giữ 08 chỉ vàng 18k là tài sản chung của anh Hoàng E và chị Như Y.

[2.3] Xét kháng cáo của anh Hoàng E với nội dung là chị Như Y đang quản lý 18 chỉ vàng 24k, yêu cầu chia đôi mỗi người hưởng ½, chị Như Y giao cho anh 09 chỉ vàng 24k

Anh Hoàng E, chị Như Y, ông T, bà H đều xác nhận ngày cưới có cho 18 chỉ vàng 24k (01 sợi dây chuyền, 01 tấm lắc). Anh Hoàng E, chị Như Y đều xác định 18 chỉ vàng 24k là tài sản chung của hai đương sự. Chị Như Y xác nhận gửi cho ông T, bà H cất dùm vào ngày 18/02/2019 (âm lịch) lúc vợ chồng chưa ly thân vì sợ bị mất trộm. Anh Hoàng E và vợ chồng ông T trình bày chị Như Y đang giữ toàn bộ số vàng.

Để chứng minh việc ông T giữ vàng, chị Như Y đưa ra những chứng cứ: thời điểm chị gửi vàng có anh Nguyễn Chí N nhìn thấy vì anh N đang sửa nhà cho gia đình ông T; khi ly thân, chị rời nhà chồng ngày 06/7/2019 thì chị có mời đại diện chính quyền địa phương là ông Lê Thành K, anh Nguyễn Chí T đến nhà để chứng kiến việc chị đi khỏi nhà chỉ mang theo quần áo, còn số vàng 24k ông T có nói ông đang giữ, ông K có ghi âm lại cuộc nói chuyện của ông T. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau mở ghi âm có nội dung ông T nói: *"Tao đưa lại vàng cho Hoàng E, nó bán làm gì làm, vợ chồng bây tính, tao không biết"*. Với tình tiết này chứng tỏ ông T có giữ vàng và giao lại cho anh Hoàng E nhưng anh Hoàng E không thừa nhận có giữ vàng. Về phía các nhân chứng đều thừa nhận lời trình bày của chị Như Y là đúng sự thật. Do đó, có đủ cơ sở kết luận vợ chồng ông T, bà H đang quản lý 18 chỉ vàng 24k, buộc vợ chồng ông T phải giao cho chị Như Y và anh Hoàng E mỗi người 09 chỉ vàng 24k.

[3] Xét kháng cáo của ông T, bà H về việc ông bà không cất giữ dùm cho chị Như Y 18 chỉ vàng 24k mà do chị Như Y đang quản lý

Nội dung kháng cáo này của ông T, bà H cũng là nội dung kháng cáo của anh Hoàng E đã được nhận định phần trên tại mục [2.3] khi xét kháng cáo của anh Hoàng E. Như nhận định trên thì ông T, bà H đang cất giữ 18 chỉ vàng 24k do chị Như Y gửi, buộc ông T, bà Hcó trách nhiệm giao cho chị Như Y và anh Hoàng E mỗi người 09 chỉ vàng 24k.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Hoàng E về yêu cầu nuôi con chung. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng E, ông T

và bà H liên quan đến chia tài sản chung của anh Hoàng E, chị Như Y về số vàng 18k và vàng 24k.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện N về người trực tiếp nuôi con. Giao cháu Trần Như Th cho anh Trần Hoàng E tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về nuôi con chung với những nhận định trên.

[6] Về án phí

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: anh Trần Hoàng E không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ; ông T, bà H thuộc diện được miễn.

Án phí cấp dưỡng: Anh Hoàng E không phải chịu vì anh trực tiếp nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Hoàng E về việc yêu cầu nuôi con chung. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoàng E, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H liên quan đến tài sản chung là vàng của chị Như Y và anh Hoàng E.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau về người trực tiếp nuôi con chung.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Như Y và anh Trần Hoàng E.

2. Về con chung: Anh Trần Hoàng E trực tiếp nuôi cháu Trần Như Th (nữ), sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra.

4. Về chia tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị Trương Thị Như Y. Chị Trương Thị Như Y và anh Trần Hoàng E mỗi người được nhận 09 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 18k.

Buộc chị Như Y giao 04 chỉ vàng 18k cho anh Hoàng E. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H iao cho chị Như Y 09 chỉ vàng 24k, giao cho anh Hoàng E 09 chỉ vàng 24k.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Như Y phải chịu án phí là 2.715.500 đồng. Ngày 11/7/2019, chị Như Y đã dự nộp 1.275.000 đồng tại Biên lai thu số 0006782 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, chị Như Y phải nộp thêm 1.440.500 đồng.

Anh Trần Hoàng E phải chịu án phí chia tài sản là 2.715.500 đồng.

5.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Trần Hoàng E không phải chịu, ngày 04/02/2020 đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0007034 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được nhận lại toàn bộ; Ông T, bà H được miễn.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền